TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT

Ngày: 07/5/2019

"V/v: Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2019/TLPT- DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ ông Hồ Thanh N (Hồ Văn N) chủ hộ; Các thành viên trong hộ: Bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1; Cùng địa chỉ ấp 4A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của hộ ông Hồ Thanh N: Ông Châu Hòa V1; Địa chỉ ấp An Lộc Thị, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Thanh N: Luật sư Đoàn Văn Đ2 – Văn phòng Luật sư Văn Đồn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2; Cùng địa chỉ ấp 4A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Mã Thanh H2; Địa chỉ ấp Nhơn Lộc 1, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn Mã Chánh L1: Luật sư Nguyễn Phúc D1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

Do có kháng cáo của: Ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn hộ ông Hồ Thanh N là ông Châu Hòa V1 trình bày: Vào năm 2004, ông Hồ Thanh N có cho ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2 mượn con mương ngang 05m, dài 29m để vợ chồng ông L1, bà B2 mở rộng ao nuôi cá. Hai bên thỏa thuận khi nào nguyên đơn cần thì bị đơn sẽ trả lại, việc thỏa thuận này chỉ nói miệng vì hai bên bà Nguyễn Thị B2 và bà Nguyễn Thị B1 (vợ ông N) là chị em ruột. Trong quá trình sử dụng mương, ông L1, bà B2 có lắp mương, xây dựng tường rào, nhà bếp, ông N có ngăn cản nhưng ông L1, bà B2 cam kết sẽ tháo dỡ và trả đất khi gia đình ông N cần sử dụng.

Đến tháng 4/2016, ông N cần lấy lại đất để cho con xây nhà thì ông L1, bà B2 không chịu trả mà cho rằng đó là đất của mình. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích 138m^2 theo diện tích đo đạc ngày 27/12/2017. Phần đất tranh chấp, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/10/1996, thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp 4A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Bà Hồ Thị Thanh Ng, Hồ Thị Thanh Nh, ông Hồ Minh Đ1, bà Hồ Xuân H1, bà Nguyễn Thị B1 trình bày thống nhất như sau: Năm 2004, ông N có cho vợ chồng ông L1, bà B2 mượn con mương, ngang khoảng 5m, dài 29m để vợ chồng ông L1 mở rộng ao nuôi cá với thỏa thuận khi nào gia đình ông N cần thì ông L1, bà B2 sẽ trả lại. Quá trình sử dụng ông L1 đã bồi lắp con mương, xây tường rào chống trộm cá và nhà bếp trên đất của ông N. Gia đình ông N có can ngăn và nhắc nhỡ nhưng ông L1 cam kết sẽ trả đất. Đến tháng 4/2016, gia đình ông N cần sử dụng đất nên yêu cầu ông L1 trả thì ông L1 cho rằng đó là đất của ông L1. Trong biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn ông L1 có thừa nhận mượn đất của ông N và đề nghị mua lại đất với giá 20.000.000 đồng, hẹn ngày 28/8/2016 sẽ trả 20.000.000 đồng nhưng không trả. Vì vậy, gia đình ông N không bán đất nữa mà yêu cầu ông L1, bà B2 trả lại đất ngang 05m, dài 29m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho hộ Hồ Văn N.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Mã Chánh L1 và Nguyễn Thị B2 là bà Mã Thanh H2 trình bày: Giữa đất gia đình bị đơn và nguyên đơn có một con mương chung, ngang khoảng 06m, mỗi bên sở hữu một nửa. Năm 2000, bị đơn có thỏa thuận mua nửa con mương và mua thêm 01m đất bờ của nguyên đơn, chiều dài 28m, tổng cộng diện tích là 112m^2. Giá mua bán là 02 chỉ vàng 24k và 1,6 triệu đồng. Do là chị em, nên hai bên không làm giấy tờ gì, chỉ giao đất, giao tiền vàng là xong. Quá trình sử dụng, năm 2001 bị đơn có xây dựng tường ranh kiên cố và ông N là người trực tiếp xây dựng bức tường này. Đồng thời, bị đơn đã san lắp hai đầu mương để làm công trình phụ là chuồng gà, khi xây dựng không có ai ngăn cản, tranh chấp.

Nay nguyên đơn kiện đòi lại đất, bị đơn không đồng ý trả mà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp là 138m^2 theo diện tích đo đạc ngày 27/12/2017 cho bị đơn.

Quá trình tố tụng, những người làm chứng trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn Kh, Trần Văn N và Võ Ngọc T khai thống nhất như sau: Ông N có bán cho ông L1, bà B2 phần đất giáp ranh và ông L1 mướn ông N xây tường rào làm ranh. Tuy nhiên, các ông không rõ diện tích và giá mua bán phần đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ Hồ Thanh N.

2. Buộc ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2 phải trả lại cho hộ ông Hồ Thanh N phần đất diện tích 138,0m^2 tọa lạc tại ấp 4A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang, loại đất CLN, thuộc một phần thửa 163 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001000 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên chủ sử dụng *(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 10/CNVPĐKĐĐ D1ệt ngày 06/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CTA, tỉnh Hậu Giang).*

3. Ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông Hồ Thanh N có nghĩa vụ trả lại cho ông Mã Chánh L1, bà Nguyễn Thị B2 giá trị tài sản trên đất là 12.681.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời công nhận phần đất tranh chấp cho bị đơn trực tiếp quản lý, canh tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Mã Chánh L1 Luật sư Nguyễn Phúc D1 trình bày: Về nội dung, bị đơn đã trực tiếp sử dụng đất từ năm 2000, tức 19 năm, không ai ngăn cản, sau đó ông L1 đã thuê ông N xây tường rào, chuồng heo, nhà tắm. Việc chuyển nhượng đất không có giấy tờ gì vì nghĩ là chị em ruột. Về thủ tục, theo đơn yêu cầu giải quyết tại cơ sở thì chỉ có bà B1 yêu cầu, ông N không có yêu cầu giải quyết. Thêm vào đó, thành viên trong hộ ông N có chị Hồ Thị Thanh Ng đang sinh sống ở Hàn Quốc, cấp sơ thẩm chưa làm rõ là vi phạm tố tụng. Do đó, về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, về thủ tục tố tụng đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã cho mượn, do đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất" là phù hợp.

[2] Xét thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013 quy định *"Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải"*. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000100 được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho hộ Hồ Thanh N vào ngày 15/10/1996, và căn cứ vào sổ hộ khẩu do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ số 290045173, ngày 27/12/2011 thì ông N là chủ hộ. Tuy nhiên theo đơn yêu cầu giải quyết gửi Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn (Bút lục 08) người làm đơn là bà Nguyễn Thị B1, nhưng khi tham gia hòa giải vào ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn thì bà B1 không tham gia mà ông Hồ Thanh N tham gia, nhưng ông N không có đơn yêu cầu là chưa phù hợp.

[3] Xét tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017 (Bút lục 17), ông N là người khởi kiện bị đơn ông Mã Chánh L1 (không có chủ thể khác trong đơn kiện); Đến ngày 12/6/2017 (Bút lục 20) ông N trực tiếp làm đơn khởi kiện, ông L1 và bà Nguyễn Thị B2 là bị đơn và các thành

viên trong hộ gồm Nguyễn Thị B1, bà Hồ Xuân H1, chị Hồ Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thông báo nộp tạm ứng án phí cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho ông Hồ Thanh N; Theo thông báo thụ lý số 112/TB-TLVA, ngày 06/12/2017 (Bút lục 22) cấp sơ thẩm xác định ông Hồ Thanh N là nguyên đơn, còn các thành viên trong hộ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ việc cho đến trước khi ban hành bản án sơ thẩm, không có văn bản nào xác định lại tư cách, cấp sơ thẩm cũng không có thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của các thành viên trong hộ ông N. Tuy nhiên, khi ban hành bản án, cấp sơ thẩm lại xác định nguyên đơn là hộ ông Hồ Thanh N (Hồ Văn N) và các thành viên trong hộ và công nhận phần đất tranh chấp cho hộ ông Nguyễn Thanh N và hộ ông N có nghĩa vụ trả 12.681.000 đồng cho ông Mã Chánh L1, bà Nguyễn Thị B2 là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Bởi những lý do sau: Bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 không có đơn khởi kiện; Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 *"Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện"*. Và theo quy định của Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án *"Nguyên đơn, bị đơn, có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm..."*. Cấp sơ thẩm xác định các thành viên trong hộ là nguyên đơn nhưng không có đơn khởi kiện và không nộp tạm ứng án phí là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục ủy quyền:

[4.1] Theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 09/6/2017 (Bút lục 122-123) bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 ủy quyền cho ông Hồ Thanh N, *có nội dung ông N toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện tại các cấp giải quyết; Thời hạn ủy quyền được tính kể từ ngày giấy ủy quyền này được công chứng đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có)*. Đến ngày 26/11/2018 (Bút lục 164-165), bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 tiếp tục ủy quyền cho ông Châu Hòa V1 cũng nội dung tương tự là, *ông Châu Hòa V1 được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện tại các cấp giải quyết. Thời hạn ủy quyền được tính kể từ ngày giấy ủy quyền này được công chứng đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).* Như vậy theo hồ sơ thể hiện có 2 văn bản ủy quyền đã được công chứng, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ các thủ tục chấm dứt ủy quyền theo qui định Điều 569 Bộ luật dân sự 2015 là chưa đảm bảo tố tụng.

[4.2] Về sự có mặt của các bên tham gia ký kết ủy quyền: Theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017 (Bút lục 122-123) bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 ủy quyền cho ông Hồ Thanh N; Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017 (Bút lục 56-57) ông Hồ Thanh N ủy quyền cho ông Châu Hòa V1 và Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2018 (Bút lục 164-165), bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị

Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 tiếp tục ủy quyền cho ông Châu Hòa V1 được công chứng. Các văn bản uỷ quyền trên đều thể hiện địa điểm công chứng là tại Văn phòng công chứng Tây Nam, số 1-6 Tây Nguyên Plaza, đường Võ Nguyên Giáp, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; Trong văn bản có đoạn *"Các ông/bà có tên nêu trên cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi"*. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Châu Hòa V1 thừa nhận, ông V1 và những người trực tiếp ủy quyền không trực tiếp đến văn phòng công chứng để ký tên vào văn bản ủy quyền trước mặt công chứng. Các văn bản ủy quyền này đều giao cho Luật sư Đoàn Văn Đ làm thay. Căn cứ theo khoản 1 Điều 46 Luật công chứng 2014 *"... chữ ký hoặc điểm chỉ trong hợp đồng, giao dịch đúng là chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia hợp đồng, giao dịch..."* và cũng theo khoản 1 Điều 48 Luật công chứng 2014 quy định *"Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên."*. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ trình tự, thủ tục cũng như giá trị pháp lý của văn bản ủy quyền nên chưa đủ cơ sở xác định văn bản ủy quyền là hợp pháp.

[5] Về các chữ ký của đương sự:

[5.1] Đối với bà Nguyễn Thị B1: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Châu Hòa V1 thừa nhận bà B1 là người không biết chữ, chỉ lăn tay được; Sự thừa nhận này là phù hợp với biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận chứng cứ và biên bản đối chất (Từ bút lục số 108 đến 112) của Tòa án nhân dân huyện CTA, bà Nguyễn Thị B1 đều lăn tay. Tại cấp phúc thẩm, khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, giấy triệu tập, biên bản tống đạt bà Nguyễn Thị B1 cũng chỉ lăn tay. Tuy nhiên đơn yêu cầu tại xã, 02 văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017, ngày 26/11/2018 và các đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị B1 đều có chữ ký tên là (B1). Tại phiên tòa phúc thẩm ông V1 cho rằng tên trong các văn bản có thể là do ông Hồ Minh Đ1 ký thay.

[5.2] Đối với chữ ký của anh Hồ Minh Đ1: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục số 49), bản tự khai (bút lục số 92), Biên bản hòa giải (bút lục số 108-109), Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (bút lục số 110-111), Biên bản đối chất (bút lục số 112), giấy ủy quyền (bút lục số 122-123), giấy ủy quyền (bút lục số 164-165) tất cả các chữ ký đều không giống nhau.

Cấp sơ thẩm chưa làm rõ các chữ ký, lăn tay của bà Nguyễn Thị B1 cũng như anh Hồ Minh Đ1 có phải do một người ký tên hay lăn tay hay không là thiếu sót; Nếu họ không trực tiếp ký tên, lăn tay trong giấy ủy quyền, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì họ phải được triệu tập tham gia tố tụng để tự mình thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quá trình tham gia tố tụng của đương sự.

[6] Đối với trường hợp của Hồ Thị Thanh Ng: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Mã Chánh L1 cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc chị Hồ Thị Thanh Ng đang sinh sống ở Hàn Quốc, và cung cấp đơn xác nhận được

lập ngày 06/5/2019 của chính quyền địa phương. Tại tòa phúc thẩm Châu Hòa V1 thừa nhận chị Ng có chồng ở nước ngoài vào khoảng năm 2013, và theo chồng làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ chị Hồ Thị Thanh Ng có quốc tịch nước ngoài không, có mặt hay không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm thụ lý để xác định thẩm quyền giải quyết; chưa làm rõ thời điểm làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, làm văn bản ủy quyền tại Việt Nam, chị Ng có mặt tại Việt Nam hay không để xác định ý chí của người yêu cầu vắng mặt và tính pháp lý của văn bản ủy quyền.

[7] Về xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất nhưng khi xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa đúng với Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH2 vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định nêu trên, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; Nên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về tạm ứng án phí, án phí, các chi phí tố tụng khác: Sẽ được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất" giữa: Hộ ông Hồ Thanh N (Hồ Văn N) chủ hộ; Các thành viên trong hộ: Bà Nguyễn Thị B1, chị Hồ Xuân H1, chị Hồ Thị Thanh Ng, chị Hồ Thị Thanh Nh, anh Hồ Minh Đ1 với bị đơn ông Mã Chánh L1 và bà Nguyễn Thị B2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 07/5/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện CTA;
- Chi cục THADS H. CTA;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Khải